

Số: /XN-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

**Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện thi công
khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng
tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày
02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất
và khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị
định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu
khoáng sản và thu hồi khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh về
việc thu hồi đất của Công ty TNHH Một thành viên Ô tô Vinaxuki Thanh Hóa tại
các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc (nay là xã Triệu Lộc) và cho Công ty
Cổ phần Giải trí nghe nhìn Toàn Cầu thuê đất để tiếp tục sử dụng vào mục đích
thực hiện dự án Cụm các nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về
việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà
máy sản xuất lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại các xã Đại Lộc, Triệu Lộc, huyện
Hậu Lộc (nay là xã Triệu Lộc), tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Văn bản số 23376/UBND-CNXDKH ngày 30/12/2025 của Chủ tịch
UBND tỉnh về chủ trương cho Công ty cổ phần giải trí nghe nhìn Toàn Cầu lập
hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản tại khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp
ràp ô tô, máy xây dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Văn bản số 01/CV-NT ngày 14/01/2026 của Công ty cổ phần giải trí
nghe nhìn Toàn Cầu (chủ đầu tư dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây
dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa) giới thiệu đơn vị thi công san lấp mặt
bằng là Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến; Văn bản đăng ký thu hồi khoáng
sản ngày 14/01/2026 kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi*

diện tích thực hiện thi công khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 187/TTr-SNNMT ngày 02/02/2026 (kèm theo văn bản tham gia ý kiến Công an tỉnh, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Triệu Lộc).

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến (Mã số doanh nghiệp 2802441612, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/12/2025 do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp; địa chỉ trụ sở chính: Ki ốt số 1 đường Nguyễn Trãi, phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa) đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thi công Khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đối với Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: Đất làm vật liệu san lấp.
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: Khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
3. Không gian thu hồi khoáng sản:
 - a) Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: 174.143 m².
 - b) Mức sâu thu hồi khoáng sản thấp nhất: Khu A: +5,22 m; Khu B: +11,0 m.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi (ở trạng thái tự nhiên): 2.102.381 m³.
5. Thời gian thu hồi khoáng sản: Đến ngày 31/12/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến có trách nhiệm:
 - Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin vị trí, khối lượng, chủng loại khoáng sản được nêu trong Bản đăng ký thu hồi của đơn vị; tổ chức thực hiện việc thu hồi khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch, thời hạn nêu trên theo đăng ký của đơn vị. Thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan; chỉ được thực hiện việc thu hồi, vận chuyển khoáng sản sau khi hoàn thành đầy đủ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước khác theo quy định.

- Trước khi tổ chức khai thác, thu hồi khoáng sản đất san lấp tại dự án phải có văn bản kèm theo hợp đồng cung cấp đất cho công trình, dự án cụ thể, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, UBND xã Triệu Lộc và các cơ quan chức năng có liên quan để theo dõi, giám sát.

- Khai thác khoáng sản đúng khối lượng được cấp phép, trong đó ưu tiên sử dụng cho các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; trước mắt, tập trung nhân lực, máy móc thiết bị để khai thác cung cấp đất san lấp phục vụ Dự án trụ sở Phòng cảnh sát cơ động và nơi đóng quân tổ chức huấn luyện Trung đoàn Cảnh sát cơ động dự bị chiến đấu và Dự án Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa (đã ký hợp đồng mua bán đất san lấp); bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật; lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng camera giám sát, thiết bị cân (bao gồm trạm cân hoặc thiết bị cân khác) hoặc thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác để UBND xã Triệu Lộc theo dõi, giám sát; kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ hàng tháng về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Triệu Lộc đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công khu A, B của dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, máy xây dựng tại xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản mới ngoài loại khoáng sản đăng ký nêu trên, Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến phải dừng ngay việc thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo công tác thu hồi khoáng sản về UBND tỉnh Thanh Hóa (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Triệu Lộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi khoáng sản theo các nội dung nêu trên của đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật nếu để đơn vị lợi dụng việc khai thác khoáng sản trái phép, không đúng các nội dung nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này do sự thiếu kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: NNMT, Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Triệu Lộc;
- Công ty TNHH Mạnh Nguyễn Tiến;
- Lưu VT, CN (T02.05).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN
(Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105^0 múi chiều 3^0)		Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105^0 múi chiều 3^0)	
		X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
Khu A	A1	2207 411.26	586 589,47	A8	2207 266.26	586 650,24
	A2	2207 412.96	586 603,64	A9	2207 264.80	586 651,67
	A3	2207 369.77	586 658,65	A10	2207 238.69	586 640,10
	A4	2207 324.28	586 643,03	A11	2207 224.79	586 628,12
	A5	2207 313.50	586 652,58	A12	2207 313.38	586 525,36
	A6	2207 304.82	586 657, 28	A13	2207 327.82	586 523,96
	A7	2207 267.79	586 650,05			
	Diện tích: 15.226 m²					
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +5,22 m					
Khu B	B1	2206 928,19	586 950,13	B30	2206 876,71	586 641,15
	B2	2207 032,93	586 850, 66	B31	2206 874,48	586 643,35
	B3	2207 349,18	586 483,85	B32	2206 871,88	586 645,74
	B4	2207 300,65	586 440,49	B33	2206 867,13	586 649,70
	B5	2207 279,58	586 426,83	B34	2206 861,95	586 653,49
	B6	2207 155,66	586 382,84	B35	2206 792,78	586 700,09
	B7	2207 147,67	586 382,28	B36	2206 786,78	586 703,88
	B8	2207 134,15	586 383,10	B37	2206 780,52	586 707,33
	B9	2207 117,56	586 387,20	B38	2206 774,02	586 710,42
	B10	2207 106,09	586 392,29	B39	2206 767,36	586 713,12
	B11	2207 097,15	586 397,83	B40	2206 760,58	586 715,39
	B12	2207 089,17	586 404,24	B41	2206 753,55	586 717,30
	B13	2207 084,25	586 409,11	B42	2206 746,58	586 718,74
	B14	2207 079,74	586 414,35	B43	2206 739,28	586 719,80
	B15	2207 074,67	586 421,49	B44	2206 732,45	586 720,38
	B16	2207 070,00	586 429,86	B45	2206 725,74	586 720,56
	B17	2207 057,27	586 456,09	B46	2206 717,67	586 720,29
	B18	2207 054,77	586 460,63	B47	2206 710,70	586 719,62
	B19	2207 051,93	586 464,75	B48	2206 703,62	586 718,51

	B20	2207 049,31	586 467,89	B49	2206 696,73	586 717,01
	B21	2207 045,70	586 471,50	B50	2206 689,78	586 715,05
	B22	2207 042,54	586 474,13	B51	2206 683,04	586 712,71
	B23	2207 041,07	586 474,62	B52	2206 676,31	586 709,91
	B24	2206 995,92	586 509,19	B53	2206 669,73	586 706,69
	B25	2206 984,44	586 518,32	B54	2206 663,73	586 703,30
	B26	2206 977,96	586 524,44	B55	2206 657,68	586 699,40
	B27	2206 972,68	586 530,18	B56	2206 652,98	586 695,93
	B28	2206 880,77	586 636,78	B57	2206 644,61	586 705,64
	B29	2206 878,78	586 638,98			
	Diện tích: 158.917 m²					
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +11,0 m					